

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

TIẾNG NGA 3

РУССКИЙ ЯЗЫК 3

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Tên học phần: Tiếng Nga 3

- Mã học phần: 191244003

1.2. Số tín chỉ: 4

1.3. Bộ môn phụ trách: Bộ môn tiếng Nga

1.4. Tên giảng viên đảm nhận giảng dạy:

Giảng viên 1

Họ và tên: Lại Thị Hồng Hạnh

Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ

Địa điểm làm việc: Khoa NN Nga – Hàn

Điện thoại, email: 0798221886 - honghanhvnt@gmail.com

Hướng nghiên cứu chính: Tiếng Nga Du lịch, Tiếng Nga Lữ hành

Giảng viên 2:

Họ và tên: Nguyễn Thị Thanh Tâm

Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ

Địa điểm làm việc: Khoa NN Nga – Hàn

Điện thoại, email: 0984166908

Hướng nghiên cứu chính: Thực hành tiếng Nga, Lý thuyết tiếng

1.5. Loại học phần: Bắt buộc

1.6. Điều kiện tiên quyết: Trước khi học học phần này, người học phải hoàn thành xong các môn học thuộc Khối kiến thức Đại cương/ Cơ sở Ngành/Ngành.

1.7. Phân bổ thời gian cho các hoạt động giảng dạy:

- Nghe giảng lý thuyết (gồm bài tập): 60 tiết

- Tự học: 120 giờ

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Mục tiêu chung của học phần

Sau khi học xong học phần Tiếng Nga 3, người học sẽ có được những kiến thức cơ bản về Ngữ âm, Từ vựng, Ngữ pháp tiếng Nga và rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết ở trình độ sơ cấp.

2.2. Mục tiêu cụ thể của học phần

Mã Mục tiêu	Mô tả mục tiêu
G1	<i>Về kiến thức:</i> Người học nắm được kiến thức về từ vựng, ngữ âm, ngữ pháp ở trình độ sơ cấp (Mức tối thiểu).
G2	<i>Về kỹ năng:</i> Người học vận dụng các kiến thức được trang bị để thực hành xây dựng các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết ở Trình độ sơ cấp.
G3	<i>Về tự chủ, tự chịu trách nhiệm:</i> Có trách nhiệm trong quá trình tiếp cận môn học; biết phối hợp khi làm việc theo nhóm, phát huy trí tuệ tập thể để đạt được chuẩn đầu ra của học phần.

3. Chuẩn đầu ra học phần

a) Về kiến thức:

- **CLO1:** Nhớ, hiểu, nhắc lại, mô tả, trình bày được về hệ thống ngữ âm tiếng Nga, các đặc điểm cấu âm cơ bản của hệ thống âm tiếng Nga, các quy tắc phát âm, sự tương ứng giữa âm và chữ cái, các quy tắc trọng âm, luật nhuộc hóa nguyên âm và đồng hóa phụ âm, các loại ngữ điệu, các cách phân chia ngữ đoạn cơ bản.
- **CLO2:** Giải thích và vận dụng các kiến thức về hệ thống ngữ âm tiếng Nga... để phát âm chuẩn, chính xác, đọc và nói đúng ngữ điệu, đúng trọng âm hoặc tự phát hiện các lỗi sai về ngữ âm để có thể tự sửa cho bản thân.
- **CLO4:** Vận dụng lượng từ vựng đã được cung cấp để tạo thành cụm từ, câu đơn và câu phức, viết thành đoạn văn theo các chủ đề đã học.
- **CLO5:** Nhớ, hiểu toàn bộ kiến thức ngữ pháp được cung cấp trong học phần như: cách biến đổi và ý nghĩa cơ bản của danh từ, tính từ, đại từ chỉ định số ít của sáu cách, các cách chia động từ cơ bản, kiểu chia thứ nhất và thứ hai, khái niệm thời và thể của động từ tiếng Nga, động từ chuyển động nhóm 1, 2, trạng từ chỉ thời gian, nơi chốn, địa điểm, tần suất, câu đơn và một số câu phức cơ bản: câu phức chỉ nguyên nhân, câu phức chỉ kết quả, câu phức chỉ mục đích; cấu trúc phủ định; cách sử dụng động từ dạng thức mệnh lệnh để thể hiện yêu cầu, đề nghị; cấu trúc câu hỏi có từ để hỏi và không có từ để hỏi.
- **CLO6:** Vận dụng các cấu trúc ngữ pháp đã được cung cấp để tạo ra những đoạn văn theo chủ đề nằm trong nội dung học phần dưới dạng nói hoặc viết đúng ngữ pháp, chặt chẽ về logic.

b) Về kỹ năng

- **CLO7:** Nghe, ghi nhớ và hiểu được nội dung, chủ đề, ý chính của một bài đọc thoại hoặc hội thoại có nội dung phù hợp với trình độ của người học và đọc với tốc độ chậm của người

bản ngữ. Nghe hiểu chủ điểm và thông tin chính của thông báo, bài khóa về các lĩnh vực giao tiếp hằng ngày và các lĩnh vực văn hóa xã hội.

- **CLO8:** Vận dụng các kiến thức được trang bị để nói theo các mẫu câu; các nghi thức lời nói; các chủ đề cho trước có độ dài không dưới 7 câu; diễn đạt lời nói độc thoại hoặc hội thoại dựa theo thông tin trong bài khóa cho sẵn; xây dựng các bài độc thoại/ hội thoại dựa trên thông tin đã cho sẵn.

- **CLO9:** Nhớ, hiểu và phân tích các quy tắc phát âm; ngữ điệu; đọc to, rõ ràng, truyền cảm, phát âm chuẩn, đúng ngữ điệu; trình bày được nội dung chính của bài khóa ngắn phù hợp với các chủ đề cho trước; đọc văn bản (bài khóa, thông báo, bài văn, truyện ngắn ...) và biết ngắt, nghỉ, chia đoạn nội dung của nó; hiểu đầy đủ và chính xác các thông tin cơ bản có trong văn bản.

- **CLO10:** Nhớ được đúng kiểu chữ, viết đúng chính tả, dùng đúng các dấu câu; vận dụng từ vựng và cấu trúc ngữ pháp đã học để viết các câu văn, đoạn văn ngắn dựa theo đề tài và câu hỏi gợi ý; vận dụng xây dựng các đoạn văn, bài luận với các chủ đề được nghiên cứu phù hợp với nhiệm vụ giao tiếp đặt ra, dựa trên các câu hỏi cho trước hay dựa trên một văn bản được đọc trước; các đoạn văn, bài luận thể hiện quan điểm cá nhân của mình dựa trên một văn bản cho trước; chủ đề của đoạn văn hay bài luận có liên quan đến lĩnh vực giao tiếp hằng ngày và lĩnh vực văn hóa xã hội.

c) Về tự chủ và trách nhiệm

- **CLO11:** Tự chủ đưa ý kiến, bình luận và các chỉnh sửa về các chủ đề, chủ điểm được đưa ra trong học phần; đánh giá một cách khách quan quá trình tiếp nhận kiến thức được trang bị, các kỹ năng được rèn phù hợp với mục tiêu học phần.

- **CLO12:** Tạo ra một văn bản dưới dạng nói hoặc viết tương ứng trình độ sơ cấp, thể hiện quan điểm cá nhân về các chủ đề, chủ điểm được đưa ra trong học phần và chịu trách nhiệm về tính chính xác, độ tin cậy của văn bản do mình xây dựng.

4. Tóm tắt nội dung học phần

- Học phần tiếng Nga 3 trang bị cho người học những kiến thức sinh viên làm quen với Tiếng Nga ở trình độ Sơ cấp (Mức tối thiểu). Trong mỗi bài có các nội dung chính sau: các mẫu lời nói; các nghi thức lời nói; ngữ liệu phần phát âm, từ vựng và ngữ pháp; các bài luyện nghe, đọc, nói và viết với các chủ đề kể về bản thân (tuổi thơ, việc học tập, sở thích cá nhân, công việc), bạn bè (người quen), các thành viên trong gia đình, một ngày làm việc, thời gian rảnh, việc nghỉ ngơi, các sở thích ...; các tình huống giao tiếp ở những nơi công cộng như: trong cửa hàng, bưu điện, ngân hàng, nhà hàng, quán ăn, thư viện, trong giờ học, ngoài phố trên các phương tiện giao thông, ở bệnh viện hay hiệu thuốc. Học phần này cung cấp cho sinh viên các kiến thức tối thiểu về tiếng Nga (từ vựng, ngữ âm, ngữ pháp) và giúp sinh viên vận dụng được kiến thức đó để thực hành các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết ở trình độ sơ cấp.

5. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Đáp ứng CDR của HP	Phân bổ thời lượng cho các hoạt động giảng dạy				
		Thời lượng giảng dạy (Tiết)				Thời gian sinh viên tự học (số giờ)
		Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận nhóm	Thực hành, thực tập	
Урок 8		15				30
8.1. Речевые образцы:	CLO7 CLO8	2				4
8.2. Элементы речевого этикета:	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	2				4
8.3. Фонетический материал: - Отработка чтения числительных 1—100. - Интонационная конструкция ИК-5 (Какое синее небо!). - Чтение словосочетаний с предлогами В и НА.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	2				4
8.4. Грамматический материал: - Понятие о временах глагола. - Глаголы I спряжения в настоящем времени. - Особенности вопроса к субъекту. - Употребление наречий. - Понятие о падежной системе имён существительных. - Понятие о субъекте, выраженном существительным в именительном падеже. - Предложный падеж существительных в значении места, значение предлогов В и НА.	CLO5 CLO6	3				6

8.5. Чтение	CLO9 CLO10	2				4
8.6. Диалог по телефону.	CLO7 CLO8	2				4
8.7. Домашнее задание.	CLO9 CLO10 CLO11 CLO12	2				4
Урок 9		15				30
9.1. Речевые образцы	CLO7 CLO8	2				4
9.2. Элементы речевого этикета	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	2				4
9.3. Фонетический материал: - Определение типов ИК. - Ритмика слова. - Чтение словосочетаний с предлогами.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	2				4
9.4. Грамматический материал: - Глаголы II спряжения в настоящем времени. - Особенности спряжения глаголов с частицей -СЯ. - Винительный падеж существительных и личных местоимений в значении прямого объекта. - Отрицательные местоимения НИКОГО, НИЧЕГО. - Инфинитив после глагола ЛЮБИТЬ. Сопоставление ситуаций употребления глаголов УЧИТЬ и УЧИТЬСЯ. - Сложноподчинённое предложение с союзом ПОЭТОМУ.	CLO5 CLO6	3				6

- Конструкция: ГДЕ МОЖНО + инфинитив глагола.						
9.5. Чтение	CLO9 CLO10	2				4
9.6. Диалог по телефону.	CLO7 CLO8	2				4
9.7. Домашнее задание.	CLO9 CLO10 CLO11 CLO12	2				4
Урок 10		15				30
10.1. Речевые образцы	CLO7 CLO8	2				4
10.2. Элементы речевого этикета	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	2				4
10.3. Фонетический материал: - Чтение словосочетаний с предлогами (дни недели). - Ритмика слов и словосочетаний.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	2				4
10.4. Грамматический материал: - Прошедшее время глагола, особенности употребления глагола БЫТЬ в прошедшем времени. - Наречия времени (сегодня, вчера...) Особенности употребления глаголов СМОТРЕТЬ и ВИДЕТЬ. - Глаголы движения ИДТИ — ЕХАТЬ (в настоящем времени). ХОДИТЬ — ЕЗДИТЬ (в прошедшем времени). - Винительный падеж для выражения направления движения.	CLO5 CLO6	3				6

- Предложный падеж для обозначения видов транспорта.						
10.5. Чтение	CLO9 CLO10	2				4
10.6. Диалог по телефону.	CLO7 CLO8	2				4
10.7. Домашнее задание.	CLO9 CLO10 CLO11 CLO12	2				4
Урок 11		15				30
11.1. Речевые образцы	CLO7 CLO8	2				4
11.2. Элементы речевого этикета	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	2				4
11.3. Фонетический материал: - Чтение словосочетаний. - Ритмика слов и словосочетаний.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	2				4
11.4. Грамматический материал: - Понятие о видах глагола (факт, повторяемость, процесс, результат). Использование НСВ и СВ (в прошедшем времени). - Глагол ХОТЕТЬ + инфинитив глагола. Глаголы движения ПОЙТИ — ПОЕХАТЬ (ХОЧУ ПОЙТИ, ХОЧУ ПОЕХАТЬ). - Дательный падеж в значении направления движения к какому-либо лицу (К КОМУ?). - Глагол МОЧЬ + инфинитив глагола. - Выражение времени (КОГДА? СКОЛЬКО ВРЕМЕНИ?).	CLO5 CLO6	3				6

11.5. Чтение	CLO9 CLO10	2				4
11.6. Диалог по телефону.	CLO7 CLO8	2				4
11.7. Домашнее задание.	CLO9 CLO10 CLO11 CLO12	2				4

6. Ma trận chuẩn đầu ra của học phần với CĐR của CTĐT

BẢNG ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ TƯƠNG THÍCH CĐR CỦA HỌC PHẦN VỚI CĐR CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

TT	Chuẩn đầu ra học phần (CLO)	Đáp ứng chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO)
1	Chuẩn đầu ra về kiến thức	
	CLO1	PLO2
	CLO2	PLO2
	CLO3	PLO2
	CLO4	PLO2
	CLO5	PLO2
	CLO6	PLO2
2	Chuẩn đầu ra về kỹ năng	
	CLO7	PLO10
	CLO8	PLO10
	CLO9	PLO10
	CLO10	PLO10
3	Mức tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp	
	CLO11	PLO10
	CLO12	PLO10

7. Tài liệu giảng dạy

7.1. Giáo trình chính

B.E. Антонова, М.М. Нахабина, М.В. Сафронова, А.А. Толстых (2011), *Дорога в Россию 1*, Изд. Злотоуст, Санкт-Петербург.

7.2. Tài liệu tham khảo

7.2.1. Д.Т. Эсмантова (2009), *Русский язык: 5 элементов уровень А1*

(Элементарный), Изд. Злотоуст, Санкт Петербург.

7.2.2. С. Хавроница, А. Широчинская (2003), *Русский язык в упражнениях*, Р.Я., Москва.

8. Nhiệm vụ của giảng viên và sinh viên

Nội dung	Số tiết	Nhiệm vụ của giảng viên	Nhiệm vụ của sinh viên	Đáp ứng CDR của học phần
Урок 8	15			
8.1. Các mẫu lời nói: Речевые образцы: + Что ты делаешь? – Я работаю. (Я ничего не делаю.) + Мне нравятся эти цветы. + Кто работает? – Мои друзья работают. (Никто не работает.) + Вы изучаете русский язык? – Да, я изучаю русский язык. + Где ты живёшь? В Москве, на улице Арбате.	2	- Giảng viên giới thiệu các mẫu lời nói cho sinh viên, giải thích khi nào, ở đâu, trong những trường hợp nào, tình huống nào thì chúng ta sẽ sử dụng những mẫu lời nói (hành động lời nói) này. Tiếp theo giảng viên đưa các ví dụ minh họa, sau đó yêu cầu sinh viên đọc, nhắc lại và đưa ra các ví dụ của mình, tiếp đến giảng viên yêu cầu sinh viên luyện tập các mẫu lời nói này.	- Tham gia tích cực vào giờ học, nghe, nói, đọc, viết, đưa ví dụ, nhắc lại và luyện tập các mẫu lời nói theo cặp và làm theo mọi yêu cầu của giảng viên. - Trao đổi, hỏi đáp mọi thắc mắc liên quan đến bài học. - Đề nghị giảng viên giảng lại nếu chưa hiểu.	CLO7, CLO8
8.2. Các mẫu nghi thức lời nói: Элементы речевого этикета: + Ну, как дела? + Нормально. + До встречи!	2	- Giảng viên giới thiệu các mẫu nghi thức lời nói cho sinh viên, đưa ra các ví dụ, sau đó yêu cầu sinh viên đọc, nhắc lại và đưa ra các ví dụ của mình, tiếp đến giảng	- Tham gia tích cực vào giờ học, nghe, nói, đọc, viết, đưa ví dụ, nhắc lại và luyện tập các mẫu nghi thức lời nói theo cặp và làm	CLO7, CLO8

Nội dung	Số tiết	Nhiệm vụ của giảng viên	Nhiệm vụ của sinh viên	Đáp ứng CDR của học phần
		viên yêu cầu sinh viên luyện tập các mẫu nghi thức lời nói này theo từng cặp.	theo mọi yêu cầu của giảng viên. - Trao đổi, hỏi đáp mọi thắc mắc liên quan đến bài học. - Đề nghị giảng viên giảng lại nếu chưa hiểu.	
8.3. Ngữ liệu ngữ âm: Фонетический материал: - Отработка чтения числительных 1—100. - Интонационная конструкция ИК-5 (Какое синее небо!). - Чтение словосочетаний с предлогами В и НА.	2	- Giảng viên hướng dẫn sinh viên phát âm số từ từ 1-100. - Giảng viên giới thiệu và hướng dẫn đọc Ngữ điệu 5: Hôm nay trời trong xanh quá! - Giảng viên hướng dẫn đọc cụm từ với giới từ В và НА. - Giảng viên sửa lỗi phát âm cho từng sinh viên. - Lấy các bài luyện phát âm trong cuốn tài liệu tham khảo số 1 trang 197-205 để sinh viên ôn luyện.	- Tham gia tích cực vào giờ học, nghe, nói, đọc, viết, nhắc lại và luyện phát âm cũng như làm theo mọi yêu cầu của giảng viên. - Trao đổi, hỏi đáp mọi thắc mắc liên quan đến bài học. - Đề nghị giảng viên phát âm lại từng chữ cái lại nếu chưa phát âm được. - Luyện phát âm các chữ cái, các từ, các câu đơn trong tài liệu tham khảo số 1 trang 197-205.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4
8.4. Tài liệu ngữ pháp: Грамматический материал: - Понятие о временах глагола. - Глаголы I спряжения в	3	Giảng viên giới thiệu cho sinh viên những hiện tượng ngữ pháp của bài gồm: - Khái niệm thì của động từ; - Động từ có kiểu chia 1 ở thì hiện tại;	- Tiếp nhận kiến thức mới và làm theo mọi yêu cầu, hướng dẫn của giảng viên. - Xem ngữ liệu bài học trong giáo trình	CLO5, CLO6

Nội dung	Số tiết	Nhiệm vụ của giảng viên	Nhiệm vụ của sinh viên	Đáp ứng CDR của học phần
настоящем времени. - Особенности вопроса к субъекту. - Употребление наречий. - Понятие о падежной системе имен существительных. - Понятие о субъекте, выраженном существительным в именительном падеже. - Предложный падеж существительных в значении места, значение предлогов В и НА.		- Cách sử dụng trạng từ; - Khái niệm về hệ thống cách của danh từ; - Khái niệm về chủ ngữ được biểu hiện bằng danh từ ở cách 1; - Danh từ ở Cách 6 với ý nghĩa chỉ nơi chốn; ý nghĩa của giới từ “ở” và “на”. - Giảng viên giải thích khi nào, ở đâu, trong những trường hợp nào, tình huống nào thì chúng ta sẽ sử dụng những hiện tượng ngữ pháp trong bài. - Giảng viên cho sinh viên luyện tập trên lớp các hiện tượng ngữ pháp đã học. + Giao bài tập về nhà trong: * Tài liệu tham khảo quyển 1 trang 90-99; 197-205. * Tài liệu tham khảo quyển 2 trang 76-85.	chính trang 119-144. - Làm bài tập về nhà trong: * Tài liệu tham khảo quyển 5.2.1 trang 90-99; 197-205. * Tài liệu tham khảo quyển 2 trang 76-85.	
8.5. Đọc Чтение	2	- Giảng viên cho sinh viên đọc hiểu, nắm nội dung, trả lời câu	- Tích cực, chủ động luyện tập các bài đọc và làm các	CLO9, CLO10, CIO11,

Nội dung	Số tiết	Nhiệm vụ của giảng viên	Nhiệm vụ của sinh viên	Đáp ứng CDR của học phần
		hỏi theo bài đọc và kể lại nội dung bài đọc trong cuốn giáo trình chính (trang 119-144). Viết thư cho bạn kể về thành phố, nơi mình ở.	bài tập trước, trong và sau khi nghe trong giáo trình chính trang 119-144 theo hướng dẫn của giáo viên. - Đọc bổ trợ trong Tài liệu tham khảo số 1 trang 197-205.	CLO12
8.6. Nghe Аудирование Диалоги по телефону.	2	+ Luyện kỹ năng nghe cho sinh viên: - Nghe xem ai đang làm việc gì, ai không làm việc gì, ai làm việc gì đó như thế nào, tại sao ai không làm việc gì, ai làm tốt cái gì, ai sống ở đâu, ai bây giờ ở đâu và làm việc gì. + Luyện kỹ năng nói: - Nói chuyện qua điện thoại, trong quầy bán hàng, trên phố Arbat. Các thành tố trong phương thức lời nói: hỏi thăm sức khỏe, cách chia tay và hẹn gặp lại. + Giao sinh viên đọc: - Giáo trình chính trang 119-144. - Nghe bổ trợ trong Tài liệu tham khảo số 1 trang 197-205.	- Tích cực, chủ động luyện tập các bài nghe và làm các bài tập trước, trong và sau khi nghe trong giáo trình chính trang 68-76 theo hướng dẫn của giáo viên. - Nghe bổ trợ trong Tài liệu tham khảo số 1 trang 197-205.	CLO7, CLO8

Nội dung	Số tiết	Nhiệm vụ của giảng viên	Nhiệm vụ của sinh viên	Đáp ứng CDR của học phần
8.7. Bài tập về nhà Домашнее задание.	2	- Giao bài tập về nhà: làm các BT trang 119-144. - Giao bài tập cho sinh viên nghiên cứu trước ở nhà cho buổi học tiếp theo- giáo trình chính trang 145 -169.	- Làm các BT trang 119-144 theo yêu cầu của giáo viên. - Làm lại BT trên lớp, luyện phát âm, học thuộc từ mới. Sinh viên tự chọn, sử dụng thêm các tài liệu tham khảo phù hợp để tự luyện tập. - Đọc tài liệu trong cuốn giáo trình chính trang 145 -169 để chuẩn bị cho buổi học tiếp theo.	CLO9, CLO10, CLO11, CLO12
Урок 9	15			
9.1. - Mẫu hành động lời nói: Речевые образцы: + Вы можете говорить по-русски? – Да, немного. + Что вы купили? - Цветы. + Кого ты ждёшь? – Подругу. + Где можно купить билет? + Можно купить в кассе?	2	- Giảng viên giới thiệu các mẫu lời nói cho sinh viên, giải thích khi nào, ở đâu, trong những trường hợp nào, tình huống nào thì chúng ta sẽ sử dụng những mẫu lời nói (hành động lời nói này). Tiếp theo giảng viên đưa các ví dụ minh họa, sau đó yêu cầu sinh viên đọc, nhắc lại và đưa ra các ví dụ của mình, tiếp đến giảng viên	- Tham gia tích cực vào giờ học, nghe, nói, đọc, viết, đưa ví dụ, nhắc lại và luyện tập các mẫu lời nói theo cặp và làm theo mọi yêu cầu của giảng viên. - Trao đổi, hỏi đáp mọi thắc mắc liên quan đến bài học. - Đề nghị giảng viên giảng lại nếu chưa hiểu.	CLO7, CLO8

Nội dung	Số tiết	Nhiệm vụ của giảng viên	Nhiệm vụ của sinh viên	Đáp ứng CDR của học phần
		yêu cầu sinh viên luyện tập các mẫu lời nói này. - Mẫu lời nói: + Bạn nói tiếng Nga được không? – Được, một chút. + Bạn đã mua gì vậy? - Hoa. + Bạn đang đợi ai? – Bạn gái. + Có thể mua vé ở đâu? + Có thể mua ở chỗ thu ngân?		
9.2. Các mẫu nghi thức lời nói: Элементы речевого этикета: + Алло, я слушаю. + Здравствуйте! + С удовольствием! + Учиться, учиться и учиться.	2	- Giảng viên giới thiệu các mẫu nghi thức lời nói cho sinh viên, đưa ra các ví dụ, sau đó yêu cầu sinh viên đọc, nhắc lại và đưa ra các ví dụ của mình, tiếp đến giảng viên yêu cầu sinh viên luyện tập các mẫu nghi thức lời nói này theo từng cặp. - Các mẫu nghi thức lời nói: + Alo, tôi nghe đây. + Xin chào! + Rất sẵn lòng. + Học, học nữa, học mãi	- Tham gia tích cực vào giờ học, nghe, nói, đọc, viết, đưa ví dụ, nhắc lại và luyện tập các mẫu nghi thức lời nói theo cặp và làm theo mọi yêu cầu của giảng viên. - Trao đổi, hỏi đáp mọi thắc mắc liên quan đến bài học. - Đề nghị giảng viên giảng lại nếu chưa hiểu.	CLO7, CLO8

Nội dung	Số tiết	Nhiệm vụ của giảng viên	Nhiệm vụ của sinh viên	Đáp ứng CDR của học phần
9.3. Ngữ liệu ngữ âm: Фонетический материал: - Определение типов ИК. - Ритмика слова. - Чтение словосочетаний с предложениями.	2	- Giảng viên dạy sinh viên các phát âm, cách đọc, nói các loại ngữ điệu. - Giảng viên dạy sinh viên các phát âm, đọc cụm từ với giới từ. - Giảng viên sửa lỗi phát âm cho từng sinh viên. - Giảng viên lấy các bài luyện phát âm trong cuốn tài liệu tham khảo số 1 trang 226-238; 239-245 để sinh viên ôn luyện.	- Tham gia tích cực vào giờ học, nghe, nói, đọc, viết, nhắc lại và luyện phát âm cũng như làm theo mọi yêu cầu của giảng viên. - Trao đổi, hỏi đáp mọi thắc mắc liên quan đến bài học. - Đề nghị giảng viên phát âm lại từng chữ cái lại nếu chưa phát âm được. - Lấy các bài luyện phát âm trong cuốn tài liệu tham khảo số 1 trang 226-238; 239-245 để sinh viên ôn luyện.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4
9.4. Tài liệu ngữ pháp: Грамматический материал: - Глаголы II спряжения в настоящем времени. - Особенности спряжения глаголов с частицей -СЯ. - Винительный падеж существительных	3	+ Giảng viên dạy ngữ pháp: - Động từ có kiểu chia thứ 2 ở thì hiện tại; - Động từ có kiểu chia đặc biệt với đuôi -ся ; - Cách 4 của danh từ và đại từ nhân xưng với ý nghĩa khách thể trực tiếp; - Đại từ phủ định (никого, ничего);	- Tiếp nhận kiến thức mới và làm theo mọi yêu cầu, hướng dẫn của giảng viên. - Xem ngữ liệu bài học trong giáo trình chính trang 119-144. - Làm bài tập về nhà trong: * Tài liệu tham khảo quyển 1 trang 226-238; 239-245.	CLO5, CLO6

Nội dung	Số tiết	Nhiệm vụ của giảng viên	Nhiệm vụ của sinh viên	Đáp ứng CDR của học phần
и личных местоимений в значении прямого объекта. - Отрицательные местоимения НИКОГО, НИЧЕГО. - Инфинитив после глагола ЛЮБИТЬ. Сопоставление ситуаций употребления глаголов УЧИТЬ и УЧИТЬСЯ. - Сложноподчинённое предложение с союзом ПОЭТОМУ. - Конструкция: ГДЕ МОЖНО + инфинитив глагола.		- Động từ nguyên dạng sau động từ <i>любить</i> ; So sánh các tình huống sử dụng động từ <i>учить, учиться</i> ; - Câu phức phụ thuộc với từ nối <i>поэтому</i> ; - Cấu trúc где можно + động từ nguyên dạng. + Giảng viên cho sinh viên luyện tập với các hiện tượng ngữ pháp nêu trên. + Giao bài tập về nhà trong: * Tài liệu tham khảo quyển 1 trang 226-238; 239-245. * Tài liệu tham khảo quyển 2 trang 102-134.	* Tài liệu tham khảo quyển 2 trang 102-134.	
9.5.Đọc Чтение	2	+ Giảng viên luyện kỹ năng đọc cho sinh viên: - Đọc hiểu ý chính, trả lời câu hỏi theo bài đọc và kể lại nội dung bài đọc trong giáo trình chính trang 145 -169.	- Tích cực, chủ động luyện tập các bài đọc và làm các bài tập trước, trong và sau khi đọc trong giáo trình chính trang 145 -169 theo hướng dẫn của giáo viên.	CLO9, CLO10, CIO11, CLO12

Nội dung	Số tiết	Nhiệm vụ của giảng viên	Nhiệm vụ của sinh viên	Đáp ứng CDR của học phần
		- Luyện viết đoạn văn ngắn theo chủ đề. + Giao bài tập về nhà trong: - Tài liệu tham khảo quyển 1 trang 226-238; 239-245.	+ Làm bài tập về nhà trong: - Tài liệu tham khảo quyển 1 trang 226-238; 239-245.	
9.6. Nghe Аудирование Диалог по телефону.	2	+ Giảng viên rèn kỹ năng Nghe - Nói - Nghe xem ai đang ở đâu, ai nói ngôn ngữ gì, hỏi về giá cả, ai học, làm việc ở đâu, học cái gì, ai đang làm gì trong giáo trình chính trang 145 -169. - Nói chuyện qua điện thoại, nói về gia đình. Các thành tố trong phương thức lời nói: cách chào hỏi, cách nói sẵn sàng làm việc gì đó, cách yêu cầu ai làm và không làm gì đó. + Giao bài tập về nhà trong: - Tài liệu tham khảo quyển 1 trang 226-238; 239-245.	- Tích cực, chủ động luyện tập các bài nghe và làm các bài tập trước, trong và sau khi nghe trong giáo trình chính trang 145 -169 theo hướng dẫn của giáo viên. - Nghe bổ trợ trong Tài liệu tham khảo số 1 trang 226-238; 239-245.	CLO7, CLO8
9.7. Домашнее задание. Bài tập về nhà.	2	- Giao bài tập về nhà: làm các BT trang trong giáo trình chính trang 145 -169.	- Làm các BT trang trong giáo trình chính trang 145	CLO9, CLO10, CLO11, CLO12

Nội dung	Số tiết	Nhiệm vụ của giảng viên	Nhiệm vụ của sinh viên	Đáp ứng CDR của học phần
		- Giao bài tập cho sinh viên nghiên cứu trước ở nhà cho buổi học tiếp theo- giáo trình chính trang 170-198.	-169 theo yêu cầu của giáo viên. - Làm lại BT trên lớp, luyện phát âm, học thuộc từ mới. Sinh viên tự chọn, sử dụng thêm các tài liệu tham khảo phù hợp để tự luyện tập. - Đọc tài liệu trong cuốn giáo trình chính trang 170-198 để chuẩn bị cho buổi học tiếp theo.	
Урок 10	15			
10.1. - Mẫu lời nói: - Речевые образцы: + Что ты делал? – Читал. + Куда ты ходил вчера? – На дискотеку. + Мой друг ехал в Петербург на поезде.	2	- Giảng viên giới thiệu các mẫu lời nói cho sinh viên, giải thích khi nào, ở đâu, trong những trường hợp nào, tình huống nào thì chúng ta sẽ sử dụng những mẫu lời nói (hành động lời nói này). Tiếp theo giảng viên đưa các ví dụ minh họa, sau đó yêu cầu sinh viên đọc, nhắc lại và đưa ra các ví dụ của mình, tiếp đến giảng viên yêu cầu sinh viên	- Tham gia tích cực vào giờ học, nghe, nói, đọc, viết, đưa ví dụ, nhắc lại và luyện tập các mẫu lời nói theo cặp và làm theo mọi yêu cầu của giảng viên. - Trao đổi, hỏi đáp mọi thắc mắc liên quan đến bài học. - Đề nghị giảng viên giảng lại nếu chưa hiểu.	CLO7, CLO8

Nội dung	Số tiết	Nhiệm vụ của giảng viên	Nhiệm vụ của sinh viên	Đáp ứng CDR của học phần
		luyện tập các mẫu lời nói này. - Mẫu lời nói: + Bạn đã làm gì? – Đã đọc. + Hôm qua bạn đi đâu? – Đi đến vũ trường. + Bạn tôi đi đến Petreburg bằng tàu hỏa.		
10.2.- Các mẫu nghi thức lời nói: Элементы речевого этикета: + Сколько лет, сколько зим! + Я занят! + Он заболел. + Рад тебя видеть!	2	- Giảng viên giới thiệu các mẫu nghi thức lời nói cho sinh viên, đưa ra các ví dụ, sau đó yêu cầu sinh viên đọc, nhắc lại và đưa ra các ví dụ của mình, tiếp đến giảng viên yêu cầu sinh viên luyện tập các mẫu nghi thức lời nói này theo từng cặp. - Các mẫu nghi thức lời nói: + Bao nhiêu mùa hè, bao nhiêu mùa đông rồi. + Tôi bận! + Anh ấy bị ốm. + Rất vui được gặp bạn.	- Tham gia tích cực vào giờ học, nghe, nói, đọc, viết, đưa ví dụ, nhắc lại và luyện tập các mẫu nghi thức lời nói theo cặp và làm theo mọi yêu cầu của giảng viên. - Trao đổi, hỏi đáp mọi thắc mắc liên quan đến bài học. - Đề nghị giảng viên giảng lại nếu chưa hiểu.	CLO7, CLO8
10.3. Ngữ liệu ngữ âm:	2	+ Giảng viên luyện cách phát âm:	- Tham gia tích cực vào giờ học, nghe, nói, đọc, viết, nhắc	CLO1, CLO2,

Nội dung	Số tiết	Nhiệm vụ của giảng viên	Nhiệm vụ của sinh viên	Đáp ứng CDR của học phần
Фонетический материал: - Чтение словосочетаний с предлогами (дни недели). - Ритмика слов и словосочетаний.		- Đọc các cụm từ với giới từ (các ngày trong tuần). - Nói âm từ và cụm từ. - Giảng viên sửa lỗi phát âm cho từng sinh viên. - Lấy các bài luyện phát âm trong cuốn tài liệu tham khảo số 1 trang 239-245 để sinh viên ôn luyện.	lại và luyện phát âm cũng như làm theo mọi yêu cầu của giảng viên. - Trao đổi, hỏi đáp mọi thắc mắc liên quan đến bài học. - Đề nghị giảng viên phát âm lại từng chữ cái lại nếu chưa phát âm được. - Luyện phát âm các chữ cái, các từ, các câu đơn trong tài liệu tham khảo số 1 trang 239-245.	CLO3, CLO4
10.4. Tài liệu ngữ pháp: Грамматический материал: - Прошедшее время глагола, особенности употребления глагола БЫТЬ в прошедшем времени. - Наречия времени (сегодня, вчера...) Особенности употребления глаголов СМОТРЕТЬ и ВИДЕТЬ.	3	+ Giảng viên dạy các hiện tượng ngữ pháp: - Thì quá khứ của động từ; đặc điểm của việc sử dụng động từ <i>быть</i> ở thì quá khứ; - Trạng ngữ chỉ thời gian (<i>сегодня, вчера..</i>); - Đặc điểm của việc sử dụng động từ <i>смотреть и видеть</i> ; - Động từ chuyển động <i>идти - ехать</i> ở thì hiện tại; - Động từ <i>ходить - ездить</i> ở thì quá khứ; - Cách 4 biểu hiện	- Tiếp nhận kiến thức mới và làm theo mọi yêu cầu, hướng dẫn của giảng viên. - Xem ngữ liệu bài học trong giáo trình chính trang 170 -198. - Làm bài tập về nhà trong: * Tài liệu tham khảo quyển 1 trang 239-245. * Tài liệu tham khảo quyển 2 trang 102 - 134.	CLO5, CLO6

Nội dung	Số tiết	Nhiệm vụ của giảng viên	Nhiệm vụ của sinh viên	Đáp ứng CDR của học phần
- Глаголы движения ИДТИ — ЕХАТЬ (в настоящем времени). ХОДИТЬ — ЕЗДИТЬ (в прошедшем времени). - Винительный падеж для выражения направления движения. - Предложный падеж для обозначения видов транспорта.		phương hướng chuyển động. -Cách 6 chỉ phương tiện chuyển động. + Giao bài tập về nhà trong: * Tài liệu tham khảo quyển 1 trang 239-245. * Tài liệu tham khảo quyển 2 trang 102 - 134.		
10.5. Đọc Чтение	2	+ Giảng viên rèn kỹ năng đọc: - Đọc hiểu ý chính, trả lời câu hỏi theo bài đọc và kể lại nội dung bài đọc. - Đọc hiểu các bài khóa về các mùa trong năm, về cuộc đi thăm quan. - Luyện viết đoạn văn ngắn theo chủ đề. - Viết câu hỏi cho các câu trả lời và ngược lại viết câu trả lời cho các câu hỏi cho trước.	- Sinh viên tích cực, chủ động luyện tập các bài đọc và làm các bài tập trước, trong và sau khi đọc trong giáo trình chính trang 170-198 theo hướng dẫn của giáo viên. - Tài liệu tham khảo quyển 1 trang 226-238; 239-245.	CLO9, CLO10, CIO11, CLO12

Nội dung	Số tiết	Nhiệm vụ của giảng viên	Nhiệm vụ của sinh viên	Đáp ứng CDR của học phần
10.6. Nghe Аудирование Диалог по телефону.	2	+ Giảng viên rèn kỹ năng nghe: - Nghe các bài hội thoại hỏi xem bạn bè mình, gia đình của bạn bè mình trước đây sinh sống, làm việc ở đâu và bây giờ sống, làm việc ở đâu; các bài hội thoại hỏi xem người quen của mình đã ở đâu và làm gì ngày hôm qua, lý do vì sao họ vắng mặt ở nơi nào đó; các bài hội thoại hỏi xem bạn mình đã và đang đi đâu và đi bằng phương tiện gì. + Giảng viên rèn kỹ năng nói: - Nói chuyện qua điện thoại, nói về thời tiết trong năm, về cuộc tham quan bảo tàng. - Các thành tố trong phương thức lời nói: hỏi xem ai đã làm gì, ai đã đi đâu, ai đã ở đâu, ở đâu đã diễn ra việc gì, cách diễn đạt cảm xúc khi lâu ngày gặp lại ai đó.	- Sinh viên tích cực, chủ động luyện tập các bài nghe và làm các bài tập trước, trong và sau khi nghe trong giáo trình chính trang 170-198 theo hướng dẫn của giáo viên. - Nghe bổ trợ trong Tài liệu tham khảo số 1 trang 226-238; 239-245.	CLO7, CLO8

Nội dung	Số tiết	Nhiệm vụ của giảng viên	Nhiệm vụ của sinh viên	Đáp ứng CDR của học phần
10.7. Домашнее задание. Bài tập về nhà.	2	- Giao bài tập về nhà: làm các BT trang 170-198. - Giao bài tập cho sinh viên nghiên cứu trước ở nhà cho buổi học tiếp theo- giáo trình chính trang 199-228.	- Làm các BT trang 170-198 theo yêu cầu của giáo viên. - Làm lại BT trên lớp, luyện phát âm, học thuộc từ mới. Sinh viên tự chọn, sử dụng thêm các tài liệu tham khảo phù hợp để tự luyện tập. - Đọc tài liệu trong cuốn giáo trình chính trang 199-228 để chuẩn bị cho buổi học tiếp theo.	CLO9, CLO10, CLO11, CLO12
Урок 11	15			
11.1. Các mẫu lời nói: Речевые образцы: - Ты прочитал книгу? - Прочитал. - Сколько сейчас времени? (Который час?) - 2 часа. - Когда он позвонил? - В 2 часа. - Анна долго переводила статью.	2	- Giảng viên giới thiệu các mẫu lời nói cho sinh viên, giải thích khi nào, ở đâu, trong những trường hợp nào, tình huống nào thì chúng ta sẽ sử dụng những mẫu lời nói (hành động lời nói này). Tiếp theo giảng viên đưa các ví dụ minh họa, sau đó yêu cầu sinh viên đọc, nhắc lại và đưa ra các ví dụ của mình, tiếp đến giảng viên	- Tham gia tích cực vào giờ học, nghe, nói, đọc, viết, đưa ví dụ, nhắc lại và luyện tập các mẫu lời nói theo cặp và làm theo mọi yêu cầu của giảng viên. - Trao đổi, hỏi đáp mọi thắc mắc liên quan đến bài học. - Đề nghị giảng viên giảng lại nếu chưa hiểu.	CLO7, CLO8

Nội dung	Số tiết	Nhiệm vụ của giảng viên	Nhiệm vụ của sinh viên	Đáp ứng CDR của học phần
- Иван каждый день покупает газеты. - Сегодня он тоже купил газеты. - Я хочу пойти в поликлинику к врачу. - Они могут поехать в цирк.		yêu cầu sinh viên luyện tập các mẫu lời nói này. - Mẫu lời nói: + Bạn đã đọc xong quyển sách này chưa? -Đọc xong rồi. + Bây giờ là mấy giờ? – 2h + Khi nào anh ấy đã gọi điện? – Vào lúc 2h. + Anna dịch bài báo lâu. + Ivan mua báo hàng ngày. + Hôm nay anh ấy đã mua báo. + Tôi muốn tới chỗ bác sĩ ở trạm xá. + Họ có thể đi đến rạp xiếc.		
11.2. Nghi thức lời nói: Элементы речевого этикета Какие планы? Давай(те) встретимся! Пойдём(те) на выставку! Скажите, пожалуйста, который час?	2	- Giảng viên giới thiệu các mẫu nghi thức lời nói cho sinh viên, đưa ra các ví dụ, sau đó yêu cầu sinh viên đọc, nhắc lại và đưa ra các ví dụ của mình, tiếp đến giảng viên yêu cầu sinh viên luyện tập các mẫu nghi thức lời nói này theo từng cặp.	- Tham gia tích cực vào giờ học, nghe, nói, đọc, viết, đưa ví dụ, nhắc lại và luyện tập các mẫu nghi thức lời nói theo cặp và làm theo mọi yêu cầu của giảng viên. - Trao đổi, hỏi đáp mọi thắc mắc liên quan đến bài học.	CLO7, CLO8

Nội dung	Số tiết	Nhiệm vụ của giảng viên	Nhiệm vụ của sinh viên	Đáp ứng CDR của học phần
		- Các mẫu nghi thức lời nói: + Hãy gặp nhau nào! + Hãy cùng nhau đi đến triển lãm! + Làm ơn hãy nói, mấy giờ rồi?	- Đề nghị giảng viên giảng lại nếu chưa hiểu.	
11.3. Ngữ liệu ngữ âm: Фонетический материал: - Чтение словосочетаний. - Ритмика слов и словосочетаний.	2	+ Giảng viên dạy phát âm: - Ngữ điệu cụm từ - Phát âm, đọc từ, cụm từ với giới từ - Giảng viên sửa lỗi phát âm cho từng sinh viên. - Lấy các bài luyện phát âm trong cuốn tài liệu tham khảo số 1 trang 100-115; 171-185 để sinh viên ôn luyện.	- Tham gia tích cực vào giờ học, nghe, nói, đọc, viết, nhắc lại và luyện phát âm cũng như làm theo mọi yêu cầu của giảng viên. - Trao đổi, hỏi đáp mọi thắc mắc liên quan đến bài học. - Đề nghị giảng viên phát âm lại từng chữ cái lại nếu chưa phát âm được. - Lấy các bài luyện phát âm trong cuốn tài liệu tham khảo số 1 trang 100-115; 171-185 để sinh viên ôn luyện.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4
11.4. Ngữ liệu ngữ pháp Грамматический материал: - Понятие о видах глагола (факт, повторяемость, процесс,	3	+ Giảng viên dạy các hiện tượng ngữ pháp: - Khái niệm thể của động từ (sự kiện, thói quen, quá trình, kết quả); - Động từ <i>хотеть</i> + động từ nguyên dạng;	- Tiếp nhận kiến thức mới và làm theo mọi yêu cầu, hướng dẫn của giảng viên. - Xem ngữ liệu bài học trong giáo trình	CLO5, CLO6

Nội dung	Số tiết	Nhiệm vụ của giảng viên	Nhiệm vụ của sinh viên	Đáp ứng CDR của học phần
результат). Употребление НСВ и СВ (в прошедшем времени). - Глагол ХОТЕТЬ + инфинитив глагола. Глаголы движения ПОЙТИ — ПОЕХАТЬ (ХОЧУ ПОЙТИ, ХОЧУ ПОЕХАТЬ). - Дательный падеж в значении направления движения к какому -либо лицу (К КОМУ?). - Глагол МОЧЬ + инфинитив глагола.		- Động từ chuyển động với tiếp đầu tố <i>пойти – поехать</i> (<i>хочу пойти, хочу поехать</i>); - Cách 3 với ý nghĩa chỉ phương hướng chuyển động (<i>к кому?</i>); - Động từ <i>мочь</i> + động từ nguyên dạng; - Biểu hiện của thời gian (<i>когда? Сколько времени?</i>) + Giao bài tập về nhà trong: * Tài liệu tham khảo quyển 1 trang 199-228. * Tài liệu tham khảo quyển 2 trang 71-73; 135-158.	chính trang 199-228. - Làm bài tập về nhà trong: * Tài liệu tham khảo quyển 1 trang 100-114; 171-185. * Tài liệu tham khảo quyển 2 trang 71-73; 135-158.	

9. Phương pháp giảng dạy và hình thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập.

9.1. Phương pháp giảng dạy học phần.

Phương pháp giảng dạy	Đáp ứng CDR của học phần
СКОЛЬКО ВРЕМЕНИ?). II 5. Đọc – Viết Đặt và giải quyết vấn đề Чтение - Письмо Thảo luận nhóm	CLO1-12 CLO9, CLO10, CLO11, CLO12
Trả lời câu hỏi, phát biểu, trao đổi ý kiến, xây dựng bài	CLO1-12 bài tập trước, trong và sau khi đọc
9.2. Hình thức kiểm tra, đánh giá BẢNG ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA NGƯỜI HỌC	trong giáo trình chính trang 199-228 theo

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	Phương pháp/ hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Thời điểm đánh giá	Hệ số	Đáp ứng CDR học phần	Trọng số
A1. Đánh giá quá trình	A1.1. Điểm chuyên cần 10%	Đánh giá mức độ chuyên cần	- Thời gian lên lớp nghe giảng - Tinh thần thái độ học tập - Mức độ tham gia các hoạt động semina, làm bài tập...	Toàn bộ các tuần	1	CLO11,12	40%
	A1.2. Bài kiểm tra 1	Hình thức Kiểm tra	- Nội dung kiến thức - Phương pháp trình bày - Mức độ sáng tạo	Tuần thứ 4		CLO1-10	
	A1.3. Bài kiểm tra 2	Hình thức Kiểm tra	- Nội dung kiến thức - Phương pháp trình bày - Mức độ sáng tạo	Tuần thứ 6		CLO1-10	
	Bài kiểm tra cuối kỳ	- Một bài trắc nghiệm giấy - Kỹ năng Nghe, Đọc 60 câu và một bài viết luận.	- Hình thức: Khoa học, đẹp theo qui định trình bày văn phong khoa học - Nội dung: Đảm bảo được yêu cầu - Nộp đúng thời hạn - Không vi phạm vấn đề sao chép	Tuần thứ 8		CLO1-10	
A2. Đánh giá cuối kỳ	Bài thi cuối kỳ	Thi trắc nghiệm/ Tự luận/ Vấn đáp	- Mức độ chuẩn bị câu hỏi trắc nghiệm, bài tự luận và vấn đáp	Tuần thứ 9-11	1	CLO1-12	60%

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	Phương pháp/ hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Thời điểm đánh giá	Hệ số	Đáp ứng CDR học phần	Trọng số
			- Thái độ nghiêm túc tham gia kỳ thi, không vi phạm qui chế thi cử.				

10. Thông tin về người biên soạn

STT	Họ và tên	Học hàm/ học vị	Ghi chú
1	Lại Thị Hồng Hạnh	ThS.	

PHÊ DUYỆT

Giảng viên biên soạn

Chủ nhiệm khoa NN Nga-Hàn

Lại Thị Hồng Hạnh

LÊ THANH VẠN

Chủ nhiệm khoa Môi trường

TS. Đỗ Văn Sáng